TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỦ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:14/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05-01-2024
V/v Tranh chấp Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc.

2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1062/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về " Tranh chấp Ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 657/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 513/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Anh T, sinh năm 1988. (có mặt).

Địa chỉ: Số A, Đường số H, Tổ E, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lưu Văn T1, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, Đường số H, Tổ E, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/8/2023 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, nguyên đơn bà Trần Thị Anh T trình bày:

Bà và ông Lưu Văn T1 tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2014 được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 114, quyển số 01/2014 ngày 16/6/2014. Trong thời gian chung sống bà và ông T1 có 01 con chung Lưu Gia B, sinh ngày 07/9/2015.

Trong quá trình chung sống giữa bà và ông T1 đã phát sinh rất nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cải vã, làm cho gia đình mất hạnh phúc, tính tình ngày càng không hợp nhau. Hơn nữa ông Lưu Văn T1 không lo làm ăn mà còn gây ra nợ nần, không quan tâm đến gia đình con cái nên đã khiến cho tình cảm không còn và không thể hàn gắn được nữa. Bà đã rất nhiều lần muốn ly hôn với ông T1, nhưng vì con cái đã cố gắng chịu đựng và hàn gắn nhưng đến nay đã không thể nào chịu được nữa.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn ý nghĩa, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên nay bà làm đơn này xin Tòa án nhân dân huyện Củ Chi chấp nhận cho bà được ly hôn với ông Lưu Văn T1.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lưu Gia B, sinh ngày 07/9/2015. Sau khi ly hôn, bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B. Không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T tự nguyện chịu.

* Bị đơn ông Lưu Văn T1: Vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Trần Thị Anh T và ông Lưu Văn T1 là "Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình"; bị đơn trong vụ án là ông Lưu Văn T1 cư trú tại huyện C, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Đối với ông Lưu Văn T1 đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Lưu Văn T1 vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lưu Văn T1 theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Xét về quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Anh T và ông Lưu Văn T1 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 114, quyển số 01/2014 ngày 16/6/2014, đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà T trình bày hiện nay đời sống hôn nhân không hạnh phúc, nguyên nhân do không hợp nhau về tính tình, phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông T1 không làm tròn trách nhiệm người chồng, không lo làm ăn gây ra nợ nần, hiện nay cả hai không còn quan tâm nhau nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T1. Ông T1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì khác.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 đã trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Lưu Gia B, sinh ngày 07/9/2015. Bà T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lưu Gia B.

Hội đồng xét xử xét thấy, trẻ Lưu Gia B hiện còn nhỏ đang được bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trẻ B có nguyện vọng được ở với mẹ. Ông T1 đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không thể hiện ý kiến muốn nuôi con. Do đó, để ổn định tâm sinh lý của trẻ, Hội đồng xét xử giao trẻ Lưu Gia B cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà T tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Anh T là được ly hôn với ông Lưu Văn T1.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 114, quyển số 01/2014 ngày 16/6/2014 của UBND xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Trần Thị Anh T và ông Lưu Văn T1 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Lưu Gia B, sinh ngày 07/9/2015. Giao trẻ Lưu Gia B cho bà Trần Thị Anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng con chung.

3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Trần Thị Anh T phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0018182 ngày 09/10/2023 của Chi Cục thi hành án Dân sự huyện Củ Chi. Bà T đã nộp đủ án phí.

6. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- UBND xã Tân Phú Trung, h. Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi Cục THADS h.Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hồng Ngọc